

**Deloitte.**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Km 28, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Quốc Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Diện	Thành viên
Ông Ngô Nguyên Đồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Km 28, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 0975 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1101-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2024-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

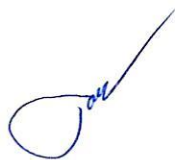
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.730.492.704.426</b>		<b>2.929.235.432.033</b>	
I. Tiền	110	4	25.465.520.493		23.485.928.018	
1. Tiền	111		25.465.520.493		23.485.928.018	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		100.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-		100.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.837.988.295.371		1.978.018.472.289	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.702.305.233.816		1.865.525.132.235	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.030.993.377		871.011.437	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	137.673.372.698		114.643.633.137	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.021.304.520)		(3.021.304.520)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	682.317.977.951		709.143.601.882	
1. Hàng tồn kho	141		747.633.233.232		778.129.235.840	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(65.315.255.281)		(68.985.633.958)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		184.720.910.611		118.587.429.844	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.023.477.990		34.422.500	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		160.178.312.895		83.659.169.535	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	23.519.119.726		34.893.837.809	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.803.195.464.705</b>		<b>2.848.682.496.961</b>	
I. Tài sản cố định	220		219.362.891.872		273.075.923.595	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	219.096.718.936		272.091.055.629	
- Nguyên giá	222		13.614.955.984.174		13.610.174.993.192	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.395.859.265.238)		(13.338.083.937.563)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	266.172.936		984.867.966	
- Nguyên giá	228		60.334.919.230		60.334.919.230	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.068.746.294)		(59.350.051.264)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.939.603.933		25.579.843.626	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	25.939.603.933		25.579.843.626	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	2.497.440.887.550		2.500.053.887.550	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.451.055.770.150		1.451.055.770.150	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.084.843.117.400		1.084.843.117.400	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.458.000.000)		(35.845.000.000)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		60.452.081.350		49.972.842.190	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.276.740.340		40.710.120.013	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		460.648.447		160.410.647	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	8.714.692.563		9.102.311.530	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.533.688.169.131</b>		<b>5.777.917.928.994</b>	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.009.356.204.934</b>		<b>767.100.345.273</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.009.356.204.934</b>		<b>767.100.345.273</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	798.613.428.414		555.443.434.552	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		350.501.682		350.501.682	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.851.798.718		9.631.737.318	
4. Phải trả người lao động	314		96.919.991.736		81.006.745.889	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.438.953.206		4.115.162.142	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	74.253.167.209		94.575.127.237	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	22.928.363.969		21.977.636.453	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.524.331.964.197</b>		<b>5.010.817.583.721</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>4.524.331.964.197</b>		<b>5.010.817.583.721</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.262.350.000.000		3.262.350.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.262.350.000.000		3.262.350.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615		11.692.500.615	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		302.424.679.411		298.170.049.781	
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)		(87.388.368.719)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		658.981.464.619		619.581.459.281	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		376.271.688.271		906.411.942.763	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		13.328.779.202		614.478.255.452	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		362.942.909.069		291.933.687.311	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>5.533.688.169.131</b>		<b>5.777.917.928.994</b>	



Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	21	7.681.064.352.700	5.813.760.220.061
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		7.681.064.352.700	5.813.760.220.061
3. Giá vốn hàng bán	11	22	7.453.083.514.206	5.777.306.693.477
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		227.980.838.494	36.453.526.584
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	326.675.392.336	464.407.804.783
6. Chi phí tài chính	22		3.120.557.355	(825.719.205)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		480.124.143	419.922.537
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	140.198.970.406	116.842.404.736
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		411.336.703.069	384.844.645.836
9. Thu nhập khác	31		27.958.165.428	2.117.170.506
10. Chi phí khác	32		1.154.868.345	4.572.872.283
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		26.803.297.083	(2.455.701.777)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		438.140.000.152	382.388.944.059
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	11.374.718.083	-
14. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	(300.237.800)	2.286.666.898
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		427.065.519.869	380.102.277.161
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.332	1.036

Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	438.140.000.152	382.388.944.059
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	57.802.059.385	61.056.658.556
Các khoản dự phòng	03	(3.218.672.482)	(18.280.772.058)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(326.675.392.336)	(464.407.804.783)
Chi phí lãi vay	06	480.124.143	419.922.537
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	166.528.118.862	(38.823.051.689)
Thay đổi các khoản phải thu	09	98.489.335.287	(90.652.566.669)
Thay đổi hàng tồn kho	10	33.044.915.380	(193.720.383.011)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	253.359.338.752	76.228.912.581
Thay đổi chi phí trả trước	12	(11.555.675.817)	(11.388.728.067)
Tiền lãi vay đã trả	14	(480.124.143)	(419.922.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.245.076.520)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	62.720.300	46.820.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.315.923.057)	(39.086.938.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	493.132.705.564	(303.060.934.133)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.431.851.707)	(12.169.057.635)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(250.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000.000	428.166.866.953
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	303.071.808.690	356.983.161.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	397.639.956.983	522.980.970.509

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(888.793.070.072)	(256.774.968.428)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(888.793.070.072)</i>	<i>(256.774.968.428)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.979.592.475	(36.854.932.052)
Tiền đầu năm	60	23.485.928.018	60.340.860.070
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	<u>25.465.520.493</u>	<u>23.485.928.018</u>

Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 719 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 736 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ- nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 01 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 01 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97%	25,97%	Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 01 năm 2025. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty liên kết đặt tại thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn***

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 36
Phương tiện vận tải	10 - 17
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm giá trị phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn, giá trị các công cụ, dụng cụ, vật tư và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.





#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	187.057.062	1.412.264.198
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.278.463.431	22.073.663.820
	<b>25.465.520.493</b>	<b>23.485.928.018</b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.697.793.298.497	1.862.937.205.202
Khác	4.511.935.319	2.587.927.033
	<b>1.702.305.233.816</b>	<b>1.865.525.132.235</b>

*Trong đó:*

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	<b>1.697.793.298.497</b>	<b>1.862.937.205.202</b>
--	--------------------------	--------------------------

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức được chia	132.626.610.800	107.452.068.250
Tạm ứng cho nhân viên	840.500.000	2.447.553.000
Khác	4.206.261.898	4.744.011.887
	<b>137.673.372.698</b>	<b>114.643.633.137</b>

*Trong đó:*

Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	<b>132.626.610.800</b>	<b>107.452.068.250</b>
--	------------------------	------------------------

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị Thời gian có thể thu hồi quá hạn	VND	Giá gốc	Giá trị Thời gian có thể thu hồi quá hạn	VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	3.021.304.520	-	Trên 3 năm	3.021.304.520	-	Trên 3 năm
	<b>3.021.304.520</b>	<b>-</b>		<b>3.021.304.520</b>	<b>-</b>	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		<b>3.021.304.520</b>			<b>3.021.304.520</b>	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	744.795.827.572	(63.704.145.427)	776.104.612.968	(67.362.746.120)
Công cụ, dụng cụ	2.810.800.906	(1.611.109.854)	2.004.268.118	(1.622.887.838)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.604.754	-	20.354.754	-
	<b>747.633.233.232</b>	<b>(65.315.255.281)</b>	<b>778.129.235.840</b>	<b>(68.985.633.958)</b>

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	155.092.822.630	(146.378.130.067)	157.641.735.402	(148.539.423.872)
	<b>155.092.822.630</b>	<b>(146.378.130.067)</b>	<b>157.641.735.402</b>	<b>(148.539.423.872)</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.831.672.482 VND (năm 2023: 17.007.772.058 VND) cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các năm trước và xuất vào sử dụng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

9. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	1.708.812.563.537	11.707.404.269.081	113.022.972.921	73.352.755.633	7.582.432.020	13.610.174.993.192
Tăng trong năm	-	31.200.000	4.254.629.630	495.161.352	-	4.780.990.982
Số dư cuối năm	1.708.812.563.537	11.707.435.469.081	117.277.602.551	73.847.916.985	7.582.432.020	13.614.955.984.174
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	1.576.495.955.046	11.601.578.825.016	86.569.749.037	67.886.771.850	5.552.636.614	13.338.083.937.563
Khấu hao trong năm	21.486.770.181	27.630.278.287	4.755.391.067	2.653.109.348	1.249.778.792	57.775.327.675
Số dư cuối năm	1.597.982.725.227	11.629.209.103.303	91.325.140.104	70.539.881.198	6.802.415.406	13.395.859.265.238
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	132.316.608.491	105.825.444.065	26.453.223.884	5.465.983.783	2.029.795.406	272.091.055.629
Tại ngày cuối năm	110.829.838.310	78.226.365.778	25.952.462.447	3.308.035.787	780.016.614	219.096.718.936

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 12.797.582.558.041 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.731.334.148.940 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	2.920.017.598	60.334.919.230
Số dư cuối năm	<b>57.414.901.632</b>	<b>2.920.017.598</b>	<b>60.334.919.230</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.935.149.632	59.350.051.264
Khấu hao trong năm	-	718.695.030	718.695.030
Số dư cuối năm	<b>57.414.901.632</b>	<b>2.653.844.662</b>	<b>60.068.746.294</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	<b>984.867.966</b>	<b>984.867.966</b>
Tại ngày cuối năm	-	<b>266.172.936</b>	<b>266.172.936</b>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 58.779.496.632 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 58.210.431.632 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị Dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống khử khí NOx, SOx Dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	7.114.701.467	6.754.941.160
	<b>25.939.603.933</b>	<b>25.579.843.626</b>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng	43.027.593.933	33.904.424.752
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.071.450.868	5.065.843.905
Công cụ dụng cụ	6.074.243.129	1.533.640.687
Khác	103.452.410	206.210.669
	<b>51.276.740.340</b>	<b>40.710.120.013</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	1.451.055.770.150	-	1.675.065.000.000	1.451.055.770.150	-	1.817.900.000.000
	<b>1.451.055.770.150</b>	<b>-</b>	<b>1.675.065.000.000</b>	<b>1.451.055.770.150</b>	<b>-</b>	<b>1.817.900.000.000</b>

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 28.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>b. Đầu tư vào các đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	-	1.030.222.074.000	817.295.117.400	-	1.089.091.906.800
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-	304.283.573.300	100.000.000.000	-	266.955.105.200
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	154.344.000.000	70.800.000.000	-	175.584.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn	50.250.000.000	-	152.622.315.000	50.250.000.000	-	126.614.925.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	(38.458.000.000)	8.040.000.000	46.498.000.000	(35.845.000.000)	10.653.000.000
	<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(38.458.000.000)</b>	<b>1.649.511.962.300</b>	<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(35.845.000.000)</b>	<b>1.668.898.937.000</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc năm tài chính.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	537.760.882.899	267.463.239.174
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng	82.780.514.139	56.692.941.703
Viện Nghiên cứu Cơ khí	56.574.692.021	49.914.696.495
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	25.198.116.751	43.249.296.705
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại	18.751.677.708	65.091.219.104
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	12.963.433.499	17.543.567.684
Khác	64.584.111.397	55.488.473.687
	<b>798.613.428.414</b>	<b>555.443.434.552</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	615.030.796.232	615.030.796.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (34.893.837.809)		11.374.718.083	-	(23.519.119.726)
Thuế thu nhập cá nhân	3.127.435.023	15.743.022.366	14.564.780.671	4.305.676.718
Thuế tài nguyên	6.504.302.295	84.232.684.080	83.190.864.375	7.546.122.000
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	17.119.892.673	17.119.892.673	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	25.015.056.644	25.015.056.644	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	456.229.673	456.229.673	-
	<b>(25.262.100.491)</b>	<b>768.972.399.751</b>	<b>755.377.620.268</b>	<b>(11.667.321.008)</b>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>34.893.837.809</i>			<i>23.519.119.726</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>9.631.737.318</i>			<i>11.851.798.718</i>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức chưa chi trả	69.721.376.991	92.859.201.263
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.531.790.218	1.715.925.974
	<b>74.253.167.209</b>	<b>94.575.127.237</b>
Trong đó:		
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	<b>33.278.379.200</b>	<b>45.757.771.400</b>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	21.977.636.453	20.165.625.554
Tăng trong năm	45.615.893.593	41.500.610.968
Giảm trong năm	(44.665.166.077)	(39.688.600.069)
Sử dụng trong năm	(43.973.202.757)	(39.086.938.221)
Chi phí khấu hao hình thành từ quỹ KTPL	(691.963.320)	(601.661.848)
Số dư cuối năm	<u>22.928.363.969</u>	<u>21.977.636.453</u>





18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>														
<b>Số dư đầu năm</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	295.618.140.373	(87.388.368.719)	1.155.788.637.402	378.394.044.564	5.016.454.954.235							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	380.102.277.161	380.102.277.161							
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	-	67.494.207.537	(67.494.207.537)								
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.080.614.625)	(41.080.614.625)							
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	(601.149.476.250)	601.149.476.250								
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	-	(256.490.443.200)	(256.490.443.200)							
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	-	(88.168.589.850)	(88.168.589.850)							
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	2.551.909.408	-	(2.551.909.408)	-	-							
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>11.692.500.615</b>	<b>298.170.049.781</b>	<b>(87.388.368.719)</b>	<b>619.581.459.281</b>	<b>906.411.942.763</b>	<b>5.010.817.583.721</b>							

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31

tháng 12 năm 2024

Số dư đầu năm

Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	427.065.519.869	427.065.519.869							
Trích Quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	-	43.654.634.968	(43.654.634.968)								
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(47.895.893.593)	(47.895.893.593)							
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (ii)	-	-	-	-	-	(801.532.635.000)	(801.532.635.000)							
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 (iii)	-	-	-	-	-	(64.122.610.800)	(64.122.610.800)							
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	4.254.629.630	-	(4.254.629.630)	-	-							
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>11.692.500.615</b>	<b>302.424.679.411</b>	<b>(87.388.368.719)</b>	<b>658.981.464.619</b>	<b>376.271.688.271</b>	<b>4.524.331.964.197</b>							



- (i) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 6 năm 2024 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với số tiền lần lượt là 47.895.893.593 VND và 43.654.634.968 VND.
- (ii) Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 6 năm 2024 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 18,75% từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển và 9% từ lợi nhuận. Trong đó, trong năm 2023 đã tạm ứng cổ tức lần 1 với tỷ lệ 2,75%, tạm ứng cổ tức lần 2 với tỷ lệ 18,75% theo danh sách cổ đông của ngày đăng ký cuối cùng là ngày 22 tháng 01 năm 2024. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã chi trả cổ tức được chia với số tiền là 801.068.516.154 VND.
- (iii) Ngày 28 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 288/NQ-HĐQT thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2024 bằng tiền mặt, tỷ lệ chi trả cổ tức 2%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền là ngày 25 tháng 12 năm 2024. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã chi trả cổ tức được chia với số tiền là 64.084.938.650 VND.

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	VND	%	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90
Công ty TNHH Năng lượng REE	64.629.960	646.299.600.000	20,16	77.396.260	773.962.600.000	24,14
Các cổ đông khác	89.591.198	895.911.980.000	27,94	76.824.898	768.248.980.000	23,96
	<b>320.613.054</b>	<b>3.206.130.540.000</b>	<b>100</b>	<b>320.613.054</b>	<b>3.206.130.540.000</b>	<b>100</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
<b>Số cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu từ Công ty TNHH Bê Tông Asean Hà Nội	150.190.114	150.190.114
	<u>150.190.114</u>	<u>150.190.114</u>

Tài sản thuê ngoài

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	24.380.051.060	24.380.051.060
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	97.520.204.240
Sau năm năm	650.134.694.933	674.514.745.993
	<u>772.034.950.233</u>	<u>796.415.001.293</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

**20. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu của bộ phận	7.681.064.352.700	5.813.760.220.061	326.675.392.336	464.407.804.783	8.007.739.745.036	6.278.168.024.844
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	-	2.613.000.000	(1.273.000.000)	2.613.000.000	(1.273.000.000)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	87.274.310.733	(80.836.158.947)	324.062.392.336	465.680.804.783	411.336.703.069	384.844.645.836
Thu nhập khác					27.958.165.428	2.117.170.506
Chi phí khác					1.154.868.345	4.572.872.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp					11.074.480.283	2.286.666.898
Lợi nhuận sau thuế TNDN					427.065.519.869	380.102.277.161

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	3.036.247.281.581	3.177.864.041.444	2.497.440.887.550	2.600.053.887.550	5.533.688.169.131	5.777.917.928.994
Tổng nợ phải trả	939.634.827.943	674.241.144.010	69.721.376.991	92.859.201.263	1.009.356.204.934	767.100.345.273

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi tiêu vốn	5.431.851.707	12.169.057.635	-	-	5.431.851.707	12.169.057.635
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	57.775.327.675	60.868.056.024	-	-	57.775.327.675	60.868.056.024
Khấu hao tài sản cố định vô hình	718.695.030	790.264.380	-	-	718.695.030	790.264.380



Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

**21. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	7.657.917.307.866	5.795.976.518.762
Doanh thu khác	23.147.044.834	17.783.701.299
	<b>7.681.064.352.700</b>	<b>5.813.760.220.061</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	<b>7.656.675.282.029</b>	<b>5.794.769.764.026</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	6.628.662.316.826	4.902.152.241.102
Chi phí nhân công	241.248.852.178	210.718.655.397
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	194.270.950.125	219.557.418.587
Chi phí khắc phục sự cố máy móc	-	137.157.981.058
Chi phí sửa chữa, bảo trì thường xuyên TSCĐ	132.119.226.123	101.942.144.819
Chi phí thuế, phí và lệ phí	100.899.347.080	85.495.121.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.667.422.855	57.056.078.855
Chi phí điện mua ngoài	63.663.606.052	42.438.249.467
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.831.672.482)	(17.007.772.058)
Khác	44.383.465.449	37.796.574.795
	<b>7.453.083.514.206</b>	<b>5.777.306.693.477</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.628.662.316.826	4.902.152.241.102
Chi phí nhân công và nhân viên	301.733.814.785	262.138.239.852
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	326.390.176.248	321.499.563.406
Chi phí khắc phục sự cố máy móc	-	137.157.981.058
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.586.243.969	60.840.843.140
Chi phí thuế, phí và lệ phí	125.997.959.085	96.028.411.355
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.831.672.482)	(17.007.772.058)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.116.384.027	52.468.215.841
Chi phí khác	87.627.262.154	78.871.374.517
	<b>7.593.282.484.612</b>	<b>5.894.149.098.213</b>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.145.829.286	19.734.645.934
Thu nhập từ cổ tức	325.529.563.050	444.673.158.849
	<b>326.675.392.336</b>	<b>464.407.804.783</b>

Thu nhập từ cổ tức chủ yếu phản ánh các khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các công ty khác - các bên liên quan (Thuyết minh số 28).

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	60.484.962.607	51.419.584.455
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.918.821.114	3.784.764.285
Chi phí thuế, phí và lệ phí	25.098.612.005	10.533.289.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.452.777.975	7.791.296.131
Chi phí khác	43.243.796.705	43.313.469.965
	<b>140.198.970.406</b>	<b>116.842.404.736</b>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.374.718.083	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>11.374.718.083</b>	<b>-</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	438.140.000.152	382.388.944.059
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(325.529.563.050)</i>	<i>(444.673.158.849)</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho</i>	<i>(3.428.984.161)</i>	<i>(4.474.774.825)</i>
<i>Trừ: Thu nhập phạt hợp đồng đã tính thuế các năm trước ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho xuất trong năm 2023</i>	<i>(260.514.122)</i>	<i>(358.038.033)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>866.707.855</i>	<i>18.030.040.803</i>
<i>Cộng: Thu nhập phạt hợp đồng ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho</i>	<i>1.761.703.120</i>	<i>286.774.947</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(54.675.759.378)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	56.873.590.416	(48.800.211.898)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>11.374.718.083</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời (được khấu trừ)/ phải chịu thuế	(300.237.800)	2.286.666.898
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(300.237.800)</b>	<b>2.286.666.898</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	427.065.519.869	380.102.277.161
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(47.895.893.593)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>427.065.519.869</b>	<b>332.206.383.568</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.332</b>	<b>1.036</b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

	Năm trước (Số liệu đã báo cáo)	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	380.102.277.161	380.102.277.161
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(47.895.893.593)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>380.102.277.161</b>	<b>332.206.383.568</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.186</b>	<b>1.036</b>

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán điện</b>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.656.675.282.029	5.794.769.764.026
	<b>7.656.675.282.029</b>	<b>5.794.769.764.026</b>
<b>Mua hàng</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	57.035.535.522	42.438.249.467
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	80.626.495	305.769.147
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	77.418.084	-
	<b>57.193.580.101</b>	<b>42.744.018.614</b>
<b>Thu nhập lãi cho vay</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	8.716.307.425
	-	<b>8.716.307.425</b>
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	130.109.700.000	179.842.250.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	128.777.759.250	220.761.873.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	38.459.633.800	14.705.154.100
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	16.284.000.000	18.408.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	10.027.830.000	9.830.281.749
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	1.870.640.000	1.125.600.000
	<b>325.529.563.050</b>	<b>444.673.158.849</b>
<b>Chia cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	33.279.635.005	45.759.498.132
	<b>33.279.635.005</b>	<b>45.759.498.132</b>
<b>Thu hồi khoản cho vay</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	188.166.866.953
	-	<b>188.166.866.953</b>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Mua bán điện	1.697.793.298.497	1.862.937.205.202
	<b>1.697.793.298.497</b>	<b>1.862.937.205.202</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291.000	55.190.468.250
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	38.955.000.000	51.940.000.000
Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	15.836.319.800	-
Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	4.248.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	321.600.000
	<b>132.626.610.800</b>	<b>107.452.068.250</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần	33.278.379.200	45.757.771.400
	<b>33.278.379.200</b>	<b>45.757.771.400</b>
<b>Thu nhập của người quản lý chuyên trách</b>		



Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.090.948.000</b>	<b>1.093.863.900</b>
Ông Mai Quốc Long	578.627.700	300.981.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	96.000.000	74.388.000
Ông Lê Tuấn Hải	96.000.000	74.388.000
Ông Ngô Nguyên Đồng	266.720.300	-
Ông Nguyễn Văn Thanh	53.600.000	-
Ông Nguyễn Xuân Diệm	-	424.254.000
Ông Vũ Xuân Dũng	-	219.852.900
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng</b>	<b>1.314.171.100</b>	<b>1.420.523.200</b>
Ông Nguyễn Hoàng Hải	556.952.200	332.135.000
Thành viên khác Ban Giám đốc	493.338.800	750.632.000
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh - Quyền Kế toán trưởng	263.880.100	337.756.200
<b>Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>907.625.100</b>	<b>589.207.000</b>
Trưởng Ban Kiểm soát	502.394.700	440.431.000
Thành viên khác	405.230.400	148.776.000

**29. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như đã trình bày ở Thuyết minh số 19.

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ***

Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 132.626.610.800 VND (năm trước: 107.452.068.250 VND), là số tiền cổ tức được chia mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong năm không bao gồm 69.721.376.991 VND (năm trước: 694.008.677.513 VND), là số tiền cổ tức chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG

Trong năm 2023, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của Công ty trong thời hạn 12 tháng, thời điểm đình chỉ hoạt động kể từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường, cụ thể như sau:

- Công ty đã hoàn thành đại tu các hệ thống lọc bụi của 07 lò hơi của dây chuyền 1, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải;
- Công ty đang triển khai kế hoạch cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý khí thải lưu huỳnh oxit (SOx) và ni tơ oxit (NOx) và kế hoạch hoàn thành việc cải tạo nâng cấp trong năm 2028 đối với các tổ máy của dây chuyền 2.

Theo hợp đồng mua bán điện đã ký với Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất điện theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2025. Ngoài ra, Công ty đã thu thập và đánh giá các thông tin về nhu cầu sử dụng, khả năng cung ứng điện năng cũng như các thông tin liên quan đến lưới điện truyền tải, cơ cấu nguồn điện tương quan với tình hình phát triển kinh tế xã hội cho giai đoạn 2021-2050 để xem xét về khả năng hoạt động của nhà máy điện trong dài hạn.

Công ty cũng đã thực hiện các thủ tục để đề xuất các cơ quan thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, amoniac cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Ngày 15 tháng 3 năm 2025, Bộ Công thương đã có Tờ trình số 1823/TTr-BCT trình Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt có bao gồm Dự án điện khí linh hoạt của Công ty với công suất dự kiến của Dự án là 1200MW và giai đoạn vận hành từ năm 2025 đến năm 2035. Ban lãnh đạo đã đánh giá và tin tưởng rằng nhà máy điện sẽ vẫn được huy động trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu điện năng cho tới khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và Công ty có đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện các phương án nêu trên.



Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2025